TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79/2026/QĐST- HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1962. Căn cước công dân số 024062008018 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021. Nơi cư trú: Số 25 Bùi Huy Bích, tổ 36N, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1962. Căn cước công dân số 042162009884 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/8/2021. Nơi cư trú: Số 25 Bùi Huy Bích, tổ 36N, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H kết hôn với nhau vào năm 1989, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/1989 cấp ngày 12/01/1989. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H xác định: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không có

tiếng nói chung. Nay ông bà xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Ninh và ông Hinh lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì bà Ninh và ông Hinh đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của bà Ninh và ông Hinh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Ninh và ông Hinh là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Nhàn, sinh ngày 02/01/1996 và Nguyễn Phương Thanh, sinh ngày 05/7/1990. Các con hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H xác định không có.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H được miễn tiền lệ phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa* bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H *nên Giấy chứng nhận kết hôn số 05/1989 cấp ngày 12/01/1989 tại UBND phường T, thành phố Đà Nẵng nay là UBND phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).*

- **Về con chung**: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Nhàn, sinh ngày 02/01/1996 và Nguyễn Phương Thanh, sinh ngày 05/7/1990. Các con hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trọng H được miễn tiền lệ phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng.
- UBND phường Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trâm